TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 121/2023/HNGĐ - ST Ngày: 18-12-2023 V/v L hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

2. Bà Trần Thị Thanh Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Khắc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Lịch - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 358/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: "*L hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo L, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn AP, xã ĐĐ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Minh Ph, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn AP, xã ĐĐ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị L có mặt còn anh Ph vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo L trình bày: Chị và anh Đỗ Minh Ph xây dựng gia đình với nhau năm 2009 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Ph nghiện rượu, không tu chí làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con,

thường xuyên đi nhậu không chịu làm việc. Chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh Ph không nghe, không thay đổi mà còn xảy ra cãi nhau. Đến nay chị L xác định đã quá sức chịu đựng, chị không còn tình cảm với anh Ph nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh Ph. Về con chung chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Nguyễn Nhật Vỹ, sinh ngày 30/01/2011 và Đỗ Bội Ngọc, sinh ngày 30/6/2018. Khi L hôn chị L yêu cầu được nuôi cháu Ngọc, giao cháu Vỹ cho anh Ph nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị L xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn biên bản lấy lời khai của anh Ph ngày 28/11/2023 anh Ph trình bày cụ thể như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Thảo L kết hôn vào năm, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, lý do vì sao chị L làm đơn L hôn thì anh không biết, hiện nay vợ chồng vẫn sống chung. Nay chị L yêu cầu L hôn thì anh Ph đồng ý. Về con chung anh Ph xác định vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Nguyễn Nhật Vỹ, sinh ngày 30/01/2011 và Đỗ Bội Ngọc, sinh ngày 30/6/2018, khi L hôn nếu chị L yêu cầu được nuôi cả hai con thì anh Ph đồng ý, nếu chị L nuôi cháu nhỏ, giao cháu lớn cho anh nuôi anh cũng đồng ý, nếu chị L giao cả hai con cho anh nuôi thì anh cũng đồng ý và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh Ph xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh Ph có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Ph vắng mặt nên không hòa giải được và Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Ph nhưng anh Ph không có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin L hôn của chị L, xử cho chị L được L hôn với anh Ph. Về con chung đề nghị giao cả hai con chung cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh Ph có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cả hai con với số tiền là 2.000.000đồng/ 1 tháng. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc chị L, anh Ph phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thảo L và anh Đỗ Minh Ph đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 8 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân giữa chị L và anh Ph được xác lập trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị L và anh Ph là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống chị L cho rằng không hạnh phúc nên chị L làm đơn L hôn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2023 anh Ph xác định vợ chồng không có muâu thuẫn gì nhưng chị L yêu cầu L hôn thì anh Ph đồng ý. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh Ph là do vợ chồng không hợp nhau nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì các đương sự lại không tìm cách hàn gắn tình cảm khiến cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Qua xác minh tại địa phương thì được biết anh Ph không tu chí làm ăn để cùng chị L phát triển kinh tế lo cho các con mà anh Ph hay đi uống rượu, mọi việc trong gia đình đều do một mình chị L gánh vác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ph nhưng anh Ph đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, điều này cũng chứng tỏ anh Ph không có thiện chí để hòa giải cải thiện tình cảm vợ chồng với chị L. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin L hôn của chị L, xử cho chị L và anh Ph được L hôn.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Ph có 02 con chung là Đỗ Nguyễn Nhật Vỹ, sinh ngày 30/01/2011 và Đỗ Bội Ngọc, sinh ngày 30/6/2018. Khi L hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con. Xét thấy, chị L làm giáo viên và xuất trình bảng lương hàng tháng có thu nhập ổn định, còn anh Ph không xuất trình tài liệu gì. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì được biết anh Ph được bố mẹ cho làm vườn cà phê nhưng anh Ph thường xuyên uống rượu nên thu nhập của anh Ph không ổn định. Hơn nhữa, cháu Vỹ đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi bố mẹ L hôn, còn cháu Ngọc hiện nay còn nhỏ và là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ. Đồng thời, anh Ph có ý kiến Tòa án giao con cho ai nuôi thì anh cũng đồng ý. Vì vậy, giao cả hai con chung cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: chị L yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng cho cả hai con với số tiền là 4.000.000đồng/ 1 tháng. Xét thấy, yêu cầu của chị L là chính đáng tuy nhiên việc buộc anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con phải phù hợp với mức thu nhập của anh Ph. Tại phiên tòa, theo chị L trình bày thì anh Ph không lo làm ăn mà hàng ngày anh Ph chỉ đi uống rượu, anh Ph có được bố mẹ giao cho làm 01 sào cà phê nên cuối năm mới có thu hoạch. Theo kết quả xác

minh như đã nêu ở trên anh Ph làm nông nhưng không tập trung làm việc mà thường xuyên đi uống rượu nên không có thu nhập ổn định. Như vậy, việc chị L yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con với số tiền 4.000.000đồng/1 tháng là cao so với thu nhập thực tế của anh Ph. Tuy nhiên, cha mẹ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc anh Ph cấp dưỡng nuôi cả hai con với số tiền là 2.000.000đồng/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung các đương sự cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu khởi kiện.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc L hôn. Anh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thảo L, xử cho chị Nguyễn Thị Thảo L và anh Đỗ Minh Ph được L hôn.

2/ Về con chung: Giao cả hai con là Đỗ Nguyễn Nhật Vỹ, sinh ngày 30/01/2011 và Đỗ Bội Ngọc, sinh ngày 30/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Thảo L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Đỗ Minh Ph có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cả hai con với số tiền 2.000.000đồng/ 1 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thảo L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc L hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000119 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Đỗ Minh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (18/12/2023), riêng anh Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Thành viên Hội đồng xét xử		Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Ngọc Sơn	**Trần Thị Thanh Vân**	**Nguyễn Thị Như Quỳnh**